

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1302 /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội
thị xã Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND - UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07/02/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3130/2005/QĐ-UBND ngày 12/12/2005 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2194/QĐ-UB ngày 20/9/2005 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt đề cương quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thị xã Bắc Kạn giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị tại Báo cáo thẩm định số 561/BCTĐ-KH&ĐT ngày 25/6/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Tờ trình số 60/TT-UBND ngày 08/6/2007 của UBND thị xã Bắc Kạn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thị xã Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020, hồ sơ do Viện chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập với nội dung chính như sau:

1. Quan điểm và các mục tiêu phát triển:

1.1. Quan điểm phát triển:

Quy hoạch, đầu tư và xây dựng thị xã Bắc Kạn trên quan điểm hướng tới văn minh, hiện đại và trong tương lai sẽ là đô thị đầu tàu của cả tỉnh. Thị xã Bắc Kạn từng bước được mở rộng, xây dựng mới, hiện đại hoá từng hạng mục các khu, phân khu chức năng đạt trình độ hiện đại về quy mô đô thị, đảm bảo nét đẹp về kiến trúc, cảnh quan,... từng bước hoàn chỉnh theo mô hình đô thị mới, ngang tầm với các đô thị lớn trong vùng, tiến tới đạt chuẩn mục quốc tế. Thị xã là trung tâm về chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, dịch vụ, tài chính - thương mại, đầu mối giao thương trong và ngoài tỉnh. Xây dựng thị xã Bắc Kạn trở thành trung tâm phát triển năng động, lấy dịch vụ làm trọng điểm ổn định, lấy công nghiệp làm các cú hích tăng trưởng nhanh ở từng thời kỳ, có vai trò thúc đẩy sự phát triển

kinh tế - xã hội của toàn tỉnh, nhất là có khả năng tác động làm chỗ dựa ổn định trong phát triển một số lĩnh vực đối với các đô thị vệ tinh và các điểm du lịch nổi tiếng trong và ngoài tỉnh.

Phát triển thị xã Bắc Kạn trên cơ sở tăng trưởng cao nhưng có cơ cấu hợp lý, hài hoà, phù hợp với đặc điểm riêng của đô thị vùng cao nhằm khai thác các lợi thế trên cơ sở đảm bảo tính bền vững của bản thân đô thị này và cho cả hệ thống, chuỗi đô thị trong vùng và cả nước.

Phát triển nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng, làm tiền đề cốt lõi nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược về tăng trưởng nhanh, chất lượng phát triển tốt, văn minh, hiện đại và bền vững.

Kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo công bằng, tiến bộ xã hội, xóa đói, giảm nghèo; bảo vệ môi trường sinh thái và bảo tồn nền văn hoá đậm đà bản sắc các dân tộc ở địa phương.

Phát triển kinh tế xã hội kết hợp với đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

1.2. Các mục tiêu phát triển:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát trong giai đoạn đến năm 2020:

- Thực hiện mục tiêu phát triển chung là tăng trưởng nhanh, chất lượng phát triển cao. Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, đến năm 2010 đủ tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật để thị xã Bắc Kạn trở thành đô thị loại III và từng bước chuẩn bị các điều kiện để nâng cấp lên thành phố trực thuộc tỉnh.

- Vào năm 2020 đứng ở vị trí đô thị loại III cùng cấp trong hệ thống đô thị Việt Nam về quy mô nhưng có trình độ phát triển và hiện đại hoá ngang tầm với nhiều đô thị loại II trong và ngoài nước.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể cho thời kỳ 2006 - 2020 như sau:

Về Kinh tế:

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao đảm bảo đến năm 2010 có GDP trong tổng GDP của tỉnh đạt khoảng 25%.

- Tăng nhanh mức GDP/người/năm, đến năm 2010 đạt khoảng 816 USD/người/năm (giá 2005), gấp 2 lần năm 2005 (khoảng 13 triệu đồng tính theo giá thực tế). Năm 2020 đạt khoảng 3056 USD/người/năm (giá năm 2005), gấp 3,7 lần so với năm 2010.

- Đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ hoá hệ thống kết cấu hạ tầng sản xuất, kinh tế, xã hội, kỹ thuật phù hợp để tạo môi trường nhằm từng bước chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế và cơ cấu sử dụng lao động.

- Cơ cấu kinh tế chủ yếu nghiêng về khu vực phi nông nghiệp. Năm 2010 khu vực phi nông nghiệp có tỷ lệ đóng góp vào GDP khoảng 80-90%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt khoảng 60 - 65%. Từ năm 2015 trở đi, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đảm bảo đạt 75% trở lên.

- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách nhà nước đạt cao, khoảng 13-15%.

Về xã hội:

- Phát triển dân số hợp lý để đến năm 2010 quy mô dân số có khoảng 46-50 nghìn người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 35-40%; cơ cấu lao động phi nông nghiệp đạt cao khoảng 65%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 xuống dưới 8% hộ theo tiêu chí: dưới 2 USD/ngày/người.

- Tỷ lệ hộ đô thị sử dụng nước máy: 100%; tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: 100%.

Về môi trường:

- Nâng độ che phủ rừng và diện tích cây xanh, cây ăn quả lên khoảng 50-55% diện tích tự nhiên vào năm 2020.

- Giữ vững diện tích các khu rừng tự nhiên, các khu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hoá cách mạng.

- Đến năm 2020 đảm bảo xử lý triệt để rác thải, nước thải đô thị, công nghiệp và bệnh viện.

2. Các phương án phát triển chủ yếu: (Có biểu chi tiết kèm theo).

3. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của phương án chọn:

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị tính	Các giai đoạn phát triển		
			2006-2010	2011-2015	2016-2020
I	Chỉ tiêu kinh tế				
	Tốc độ tăng trưởng GDP	%/năm	21.6	22.9	16.8
	Trong đó:				
	+ Công nghiệp XDCB	%/năm	25.0	23.0	16.0
	+ Nông lâm nghiệp	%/năm	4.0	3.5	3.5
	+ Dịch vụ	%/năm	23.7	25.0	18.0
	Giá trị tăng thêm giá SS (năm cuối kỳ)	Tỷ đồng	465	1302.9	2827.4
	GDP bình quân đầu người giá HH	Triệu đồng	13.39	44.16	125.45
	Cơ cấu GDP theo ngành				
	Nông lâm nghiệp	%	9.59	4.23	2.23
	CN-XDCB	%	42.07	45.35	46.61
	Dịch vụ	%	48.35	50.42	51.00
	Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến				
	+ Cả giai đoạn	Tỷ đồng	1374	4007	8400
	+ Bình quân năm	Tỷ đồng	274.8	801.4	1680
II	Chỉ tiêu xã hội (năm cuối kỳ)				
	Tỷ lệ tăng dân số	%	7.00	5.00	5.00
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	<7.00	<7.00	<7.00
	Tỷ lệ lao động có việc làm	%	95.8	95.5	96.0
III	Chỉ tiêu môi trường				
	Tỷ lệ dùng nước sạch	%	80	80	100
	Độ che phủ rừng	%	50	50	55

4. Phương án tổ chức lãnh thổ các hoạt động kinh tế xã hội:

4.1. Trồng trọt:

Chuyển dịch mạnh cơ cấu sản xuất trên cơ sở giữ ổn định diện tích lúa nước ở những cánh đồng có điều kiện tưới tiêu chủ động; quy hoạch vùng sản xuất cây rau, cây thực phẩm, cây ăn quả, hoa và cây cảnh (tạo ra vành đai thực phẩm cho đô thị tương lai).

Mục tiêu phấn đấu đạt giá trị trên một ha khoảng 30 - 50 triệu đồng.

Cây lương thực: phát triển lương thực ở những nơi có điều kiện thâm canh tốt, có khả năng tưới tiêu chủ động, cho năng suất cao. Dự kiến hình thành vùng sản xuất lúa thâm canh tập trung tại xã Huyền Tung.

Cây rau, cây thực phẩm: ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ nông dân phát triển mạnh loại cây thuộc nhóm này, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ. Dự kiến hình thành và phát triển vùng sản xuất hàng hoá tại Xuất Hoá, Huyền Tung, Nông Thượng và Dương Quang. Dự kiến phát triển khoảng 40 ha rau xanh có giá trị đạt 50 triệu đồng/ha.

Cây ăn quả: Quy hoạch các vùng trồng cây ăn quả, phát triển các loại cây ăn quả truyền thống cho giá trị kinh tế cao như mận, đào, bưởi, cam, quýt, hồng, nhất là giống cam Bắc Kạn, đặc biệt là đối với cây cam Quang Thuận.

Dự kiến hình thành một số vùng trồng cây nguyên liệu nông sản: vùng sản tại xã Xuất Hoá, vùng chè tại Nông Thượng.

4.2. Chăn nuôi:

Coi chăn nuôi là ngành có lợi thế trong nông nghiệp, đầu tư phát triển mạnh ngành chăn nuôi theo hướng hàng hoá. Khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc lấy thịt như bò, dê... Đầu tư chăn nuôi lợn hướng nạc, gia cầm thả vườn. Từng bước hình thành các vùng sản xuất chăn nuôi hàng hoá, chăn nuôi theo phương thức tập trung, công nghiệp, bán công nghiệp kết hợp với chăn nuôi truyền thống nhằm xây dựng được các vùng chăn nuôi mang lại giá trị kinh tế cao và an toàn dịch bệnh. Nâng cao vai trò và vị trí của ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp của thị xã. Phấn đấu đến năm 2010 có 12000 con trâu và bò, 15000 con lợn và 3600 con dê.

Kết hợp chăn nuôi với sản xuất lâm nghiệp, trên cơ sở hình thành các trang trại kinh doanh chăn nuôi tổng hợp. Phát triển nhanh đàn gia cầm theo hướng thịt, nuôi gà theo phương thức thả vườn, thâm canh và bán thâm canh, có khả năng cạnh tranh trong thị trường tiêu thụ nội địa.

4.3. Phân vùng sản xuất công nghiệp:

Cụm công nghiệp tập trung Xuất Hoá với diện tích 100 ha, tại đây dự kiến bố trí các loại hình công nghiệp như: cơ khí (lắp ráp ô tô), vật liệu xây dựng (xi măng, gạch không nung, khai thác và chế biến đá...), các ngành công nghiệp chế biến khác,...

Cụm công nghiệp Đông thị xã Bắc Kạn, diện tích 100 ha, dự kiến bố trí các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản, chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, và cơ khí nhỏ,...

Cụm công nghiệp Bắc thị xã Bắc Kạn (Pá Danh), diện tích khoảng 100 ha, phân bố các ngành công nghiệp như bê tông đúc sẵn, chế biến lâm sản, công nghiệp xử lý nước và công nghiệp may mặc, ...

Dự kiến từ 2015 đầu tư xây dựng một khu công nghiệp tập trung mới.

4.4. Định hướng không gian du lịch:

Phối hợp với các tổ chức du lịch của trung ương và tỉnh, phát triển du lịch thành một lĩnh vực có đóng góp cho phát triển kinh tế địa phương. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho du lịch đạt trình độ hiện đại để hấp dẫn, thu hút và phục vụ yêu cầu khách du lịch trong và ngoài nước. Kết hợp với các tua du lịch quốc gia, du lịch vùng biên và các tua du lịch trong và ngoài nước nhất là tua liên tỉnh Núi Cốc-Ba Bể gắn với du lịch Pác Bó (Cao Bằng), khai thác hợp lý, hiệu quả và đạt doanh thu cao cho ngành du lịch của thị xã. Xác định các điểm du lịch chính, có đề án khai thác, kết nối với các điểm, các hoạt động nhằm tăng cường cơ hội cho các hoạt động du lịch phát triển, như du lịch Nậm Cắt, các công viên vui chơi, thể thao, giải trí trong nội thị cũng như các điểm du lịch khác trong và ngoài tỉnh, như Ba bể, vùng ATK, thác Nà Khoang, ...

4.5. Định hướng không gian đô thị:

Theo quy hoạch xây dựng chung, đô thị trung tâm thị xã Bắc Kạn sẽ được mở rộng địa giới hành chính theo hướng: sang phía Bắc sông Cầu, thuộc địa giới của xã Dương Quang, sang phía Tây thị xã hiện nay, dọc theo đường tỉnh lộ 257 đi Chợ Đồn và các trục huyện lộ hướng về phía Tây thị xã. Khu mở rộng phía Nam dự kiến sẽ bám vào dọc hành lang quốc lộ 3 và trên cơ sở khu Xuất Hoá sẽ thành lập thêm một phường mới.

Hiện trạng tổng diện tích tự nhiên toàn đô thị: 13.688 ha, trong đó: đất nội thị là 1.396 ha, đất ngoại thị là 11.799 ha và đất xây dựng đô thị là: 412,69 ha. Trong tổng số đất xây dựng đô thị có 302,14 ha đất xây dựng dân dụng và đất ngoài dân dụng: 110,55 ha.

Năm 2010: tổng diện tích tự nhiên toàn đô thị vẫn giữ nguyên: 13.688 ha trong đó: đất nội thị tăng và đạt 1.822 ha, đất ngoại thị là 11.373 ha và đất xây dựng đô thị là: 585,6 ha. Trong tổng số đất xây dựng đô thị có 442,1 ha đất xây dựng dân dụng và đất ngoài dân dụng: 143,3 ha.

Năm 2020: tổng diện tích tự nhiên toàn đô thị và đất nội thị và ngoại thị vẫn giữ nguyên. Đất xây dựng đô thị tăng khoảng 866,9 ha, trong đó: đất xây dựng dân dụng: 667,9 ha và đất ngoài dân dụng: 198,95 ha.

Để đảm bảo tiêu chuẩn một đô thị loại 3 thuộc khu vực đặc biệt, dự tính đến năm 2010, tăng nhanh tỷ lệ tăng dân số cơ học, đến năm 2010 có tổng số dân khoảng 46-50 nghìn người, năm 2015 có khoảng 71 nghìn người và năm 2020 có quy mô dân số là 99 nghìn người.

5. Xây dựng kết cấu hạ tầng:

- Nâng cấp đường quốc lộ 3, hoàn chỉnh giao thông khu vực nội thị.
- Xây dựng Quảng trường, Trung tâm hội nghị, Trung tâm Văn hoá-Thể thao thanh thiếu nhi, khu vui chơi giải trí,...

- Công trình Kè Khau Vàng, cầu qua Nặm Cắt, khu dân cư Nam thị xã, khu dân cư Bắc sông Cầu.

- Công trình nâng cấp, chỉnh trang, xây mới hệ thống chợ đầu mối, các trung tâm thương mại, siêu thị,...

- Xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp tập trung.

Một số công trình cụ thể:

1. Xây dựng khu công nghiệp tập trung Xuất Hoá.
2. Xây dựng khu công nghiệp tập trung bản áng.
3. Xây dựng hồ chứa nước Nặm Cắt.
4. Xây dựng khu du lịch sinh thái Nặm Cắt.
5. Xây dựng Nhà máy xử lý rác thải.
6. Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc.
7. Xây dựng chợ Đức Xuân.
8. Xây dựng Trung tâm thương mại Bắc Kạn.
9. Xây dựng chợ Xuất Hoá.
10. Xây dựng chợ Minh Khai.
11. Xây dựng chợ Nà Mày.
12. Xây dựng đường Tây Minh Khai.
13. Xây dựng đường nội thị Bắc sông Cầu.
14. Xây dựng cầu qua sông Nặm Cắt.
15. Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất cho hệ thống các trường học.
16. Xây dựng Trung tâm y tế thị xã và 5 trạm y tế xã, phường.
17. Xây dựng ba trụ sở quản lý Nhà nước.

Những công trình dự kiến triển khai trong giai đoạn từ 2006-2010:

- Hoàn chỉnh mặt bằng các khu dân cư phục vụ giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm, nâng cấp đường quốc lộ 3 đoạn nội thị, xây dựng công trình nhà văn hoá Tỉnh, trung tâm hoạt động thanh thiếu niên, kè Khau Vàng và khu dân cư phía Nam thị xã.

- Xây dựng cầu qua sông Nặm Cắt, khu dân cư Bắc sông Cầu và đường trục chính Bắc sông Cầu. Hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông nội thị theo quy hoạch chung. Xây dựng Trung tâm thương mại, chợ Đức Xuân, chợ Xuất Hoá, chợ Minh Khai...

- Xây dựng các công trình văn hoá: Công viên cây xanh, Công viên nước, Thư viện tỉnh, Nhà bảo tàng. xây dựng thị tứ Xuất Hoá và khu công nghiệp Xuất Hoá, Khu dân cư Tây Minh Khai, công trình cấp thoát nước, Cầu Đội Kỳ, đập chứa nước Bắc Khau Dạ, khu du lịch sinh thái Nặm Cắt, Chợ Na Mày.

- Quy hoạch, xây dựng vùng vành đai thực phẩm (Huyện Tụng, Dương Quang, Nông Thượng, Xuất Hoá), vùng trồng cây ăn quả, trồng chè ứng dụng

281
công nghệ sinh học trong công tác trồng rau sạch, trồng hoa và chăn nuôi bò, lợn hướng nạc...

6. Tổ chức thực hiện quy hoạch:

Phổ biến, công khai rộng rãi và vận động nhân dân tham gia thực hiện quy hoạch nhất là quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung, khu đô thị mới... Tổ chức giới thiệu và công bố rộng rãi các ý tưởng quy hoạch ngành, lĩnh vực, địa bàn lãnh thổ ưu tiên để hấp dẫn các nhà đầu tư. Đưa các nội dung quy hoạch vào các chương trình nghị sự, chương trình làm việc của các cấp uỷ, chính quyền và các tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế.

Thường xuyên cập nhật, bổ sung, các đánh giá, biến động về nguồn lực, diễn biến tình hình quốc tế, bối cảnh kinh tế-xã hội trong nước, nếu thấy cần thiết đề xuất các kiến nghị điều chỉnh những nội dung liên quan trong quy hoạch.

Từng bước cụ thể hóa quy hoạch: đưa các nội dung quy hoạch vào các Nghị quyết của tổ chức Đảng, các kế hoạch 5 năm, hàng năm, các chương trình, dự án cụ thể. Thực hiện các quy hoạch chi tiết có liên quan.

Trong thực hiện quy hoạch có phân công, phân nhiệm rõ ràng. Những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương, tỉnh thì UBND thị xã đề xuất, phối hợp thực hiện theo kế hoạch chung của Trung ương, tỉnh. UBND thị xã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành, các phòng chức năng của thị xã, giúp UBND thị xã điều hành thực hiện quy hoạch.

Xây dựng chương trình hành động cụ thể, với các biện pháp kinh tế, kỹ thuật, tổ chức quản lý chủ yếu nhằm thực hiện các mục tiêu quy hoạch.

Sau khi được phê duyệt, quy hoạch phải trở thành văn kiện có tính chất pháp lý, làm cơ sở cho các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn thị xã.

Điều 2. UBND thị xã Bắc Kạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch đã được duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND thị xã Bắc Kạn và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- PVPTH;
- Lưu: VT-P.TH&KT.

#

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN



Hà Đức Toại



DỰ KIẾN CÁC PHƯƠNG ÁN TĂNG TRƯỞNG
QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ HỘI THỊ XÃ BẮC KẠN ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1302/QĐ-UBND ngày 03/8/2007 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

	DVT	2005			2010			2015			2020		
		PA1	PA2	PA3	PA1	PA2	PA3	PA1	PA2	PA3	PA1	PA2	PA3
1. Dân số trung bình	Nghìn ng.	32.8	32.8	32.8	46.0	46.0	46.0	58.71	58.71	58.71	74.93	74.93	74.93
2. Tổng giá trị SX (giá 1994)	Tỷ đồng	330.72	330.72	330.72	730.24	689.79	950.56	1663.42	1579.29	2813.13	3744.09	3597.91	6499.52
Trong đó:													
+Giá trị sản lượng nông lâm nghiệp thủy sản	Tỷ đồng	48.35	48.35	48.35	61.12	61.12	61.12	74.36	74.36	74.36	90.47	90.47	90.47
+Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng		149.18	149.18	149.18	360.51	345.65	481.33	900.8	828.31	1416.78	1983.4	1823.8	3119.52
+Dịch vụ		133.20	133.20	133.20	308.61	292.02	408.11	688.26	676.62	1321.99	1670.22	1683.64	3289.53
3. Giá trị tăng thêm (GDP) giá ss94	Tỷ đồng	174.728	174.728	174.728	359.6	340.1	465	764.1	693	1302.9	1654	1497.7	2827.4
Tăng bình quân 2006-2010, 2011-2016, 2016-2020	%	16.1	16.1	16.1	15.5	14.2	21.6	16.3	15.3	22.9	16.7	16.7	16.8
+ Nông lâm nghiệp	Tỷ đồng	30.482	30.482	30.482	36.2	37.1	37.1	43.0	44.0	44.00	57.5	52.3	52.30
Tăng bình quân 2006-2010, 2011-2016, 2016-2020		4.7	4.7	4.7	4.0	4.0	4.0	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
+ Công nghiệp, XD	Tỷ đồng	65.167	65.167	65.167	149.1	136.9	198.9	355.8	300.1	559.9	747.2	630.3	1176
Tăng bình quân 2006-2010, 2011-2016, 2016-2020		22.0	22.0	22.0	18	17.0	25.0	19	17.0	23.0	16.0	16.0	16.0
+ Dịch vụ	Tỷ đồng	79.079	79.079	79.079	173.9	166.1	229	364.4	348.9	699	849.2	815.1	1599.1
Tăng bình quân 2006-2010, 2011-2016, 2016-2020		17.9	17.9	17.9	17.1	16.0	23.7	16.0	16.0	25.0	18.4	18.5	18.0



